

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HS-ST
Ngày 07-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/1984 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã Đại Hà, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ1, sinh năm 1957 và bà Bùi Thị L1, sinh năm 1962; có chồng là Phạm Văn B1, sinh năm 1985; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Đỗ Thị G, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm L, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ; xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Mào Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

3. Chị Lò Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Bản N 2, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Lò Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Bản N1, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Đỗ Thị H1; vắng mặt.

2. Anh Lò Văn B; vắng mặt.

3. Anh Đỗ Văn T1; vắng mặt.

4. Anh Trần Văn H2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ tháng 12/2022 Nguyễn Thị P thuê nhà của chị Đỗ Thị D mở quán “Cafe, massager, xoa bóp” ở thôn K1, xã H, huyện K để kinh doanh bán nước giải khát, mát xa, mua bán sâm. P thuê 05 nhân viên nữ để phục vụ mát xa, bán sâm cho khách gồm: Đỗ Thị G, Mào Thị H, Lò Thị L, Đỗ Thị H1 và Lò Thị T. Tại quán có tất cả 05 phòng, mỗi phòng đều có giường, đệm nhằm phục vụ việc mua bán sâm. Hàng ngày, P mở cửa đón khách từ 10 giờ đến 23 giờ. Các nhân viên bán sâm có nhiệm vụ ngồi tại quầy lễ tân để khách lựa chọn, sau đó nhân viên dẫn khách vào phòng tại quán để thực hiện việc mua bán sâm. Khách mua sâm phải trả 200.000 đồng/lượt/30 phút, trong đó P thu 100.000 đồng tiền chứa mại sâm, còn lại 100.000 đồng của nhân viên bán sâm. Khi hết 30 phút, P sẽ đứng ngoài cửa phòng hỏi và thông báo cho khách phải trả thêm 200.000 đồng cho 01 lượt mới. Mua sâm xong khách trả tiền cho nhân viên bán sâm hoặc đưa cho P.

Khoảng 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 09/01/2023 có 05 đối tượng lần lượt đến quán gồm: Lò Văn B, Đỗ Văn T1, Trần Văn H2, Ngô Quang K và Nguyễn Văn T2. Tại đây, Lò Văn B chọn Đỗ Thị G, G bán sâm cho B tại phòng số 04 được 200.000 đồng, B đưa tờ tiền 500.000 đồng cho P, được P trả lại 300.000 đồng. P chưa kịp đưa lại cho G 100.000 đồng thì Đỗ Văn T1 tiếp tục chọn G nên G và T1 đi vào phòng số 04 để mua bán sâm. Đồng thời tại quầy lễ tân, Trần Văn H2 chọn Mào Thị H nên H và H2 vào phòng số 05 để mua bán sâm. Ngô Quang K, Nguyễn Văn T2 đang ngồi uống nước tại quầy lễ tân, chưa thỏa thuận với chủ quán và nhân viên việc mua bán sâm. Khi G và T1 đang quan hệ tình dục; H và H2 đang chuẩn bị quan hệ tình dục thì Công an huyện K kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu

giữ vật chứng, bao gồm: 20 chiếc bao cao su trong túi nilon màu đen ở gầm giường tại phòng số 05 (của H); 01 vỏ bao cao su, 01 ruột bao cao su ở vị trí bàn đầu giường tại phòng số 04 (của G); 01 vỏ bao cao su ở tH2 rác tại phòng số 03 (của L).

Ngày 10/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp tại quán thu giữ: 8.076.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note10 màu bạc và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Hawei của Nguyễn Thị P tại ngăn kéo quây lễ tân; 26 chiếc bao cao su trong túi nilon màu trắng ở gầm bàn cuối giường tại phòng số 01 (của T); 02 hộp bao cao su trong tủ đối diện phòng số 04 (của G).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên: Nghề nghiệp chính của bị cáo là trồng hoa, thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Do công việc rảnh muồn kiếm thêm thu nhập nên bị cáo mở thêm quán kinh doanh bán nước giải khát, mát xa, mua bán dâm. Khoảng 20 giờ 30 phút đến 21 giờ ngày 09/01/2023, bị cáo chứa mại dâm G và B; tiếp đó chứa mại dâm G và T1, H và H2 trong cùng một khoảng thời gian nhưng mua bán dâm độc lập với nhau, mỗi người mua dâm tự thỏa thuận đứng ra giao dịch với bị cáo để trả tiền. Bị cáo đã thu tiền của B 200.000 đồng, trong đó bị cáo được hưởng lợi 100.000 đồng. Còn lại G và T1, H và H2 chưa thực hiện việc mua bán dâm xong nên bị cáo chưa thu được tiền. Ngoài ra bị cáo còn khai: Trước đó khoảng 19 giờ cùng ngày 09/01/2023, bị cáo có chứa mại dâm L và người đàn ông lạ mặt mua bán dâm, bị cáo được hưởng lợi 100.000 đồng. Khoảng đầu tháng 01 năm 2023 bị cáo chứa mại dâm H và H2 mua bán dâm, bị cáo được hưởng lợi 100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Thị G khai: Thống nhất nội dung như trên, khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 09/01/2023 tại quán “Cafe, massager, xoa bóp”, Đỗ Thị G đã bán dâm cho Lò Văn B, được trả tiền 100.000 đồng nhưng G chưa kịp nhận tiền từ bị cáo, vì ngay sau đó G và T1 đi vào phòng số 04 để thực hiện việc mua bán dâm, khi G và T1 đang giao cấu thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Bao cao su do G tự mua để sử dụng vào việc bán dâm.

Tại Cơ quan điều tra Lò Thị L khai: Thống nhất nội dung như trên, khoảng 19 giờ ngày 09/01/2023 tại quán “Cafe, massager, xoa bóp”, Lò Thị L đã bán dâm cho 01 người đàn ông lạ mặt tại phòng số 03 được trả tiền 200.000 đồng. L đã đưa 100.000 đồng tiền chứa mại dâm cho P, còn lại 100.000 đồng tiền bán dâm L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 16/01/2023. Bao cao su do L tự mua để sử dụng vào việc bán dâm.

Tại Cơ quan điều tra Mào Thị H và Trần Văn H2 thống nhất khai: khoảng 21 giờ ngày 09/01/2023 H2 đến quán “Cafe, massager, xoa bóp” để mua bán dâm với H. Khi H và H2 đang ở trên giường trong phòng số 05 chuẩn bị quan hệ tình dục

thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Ngoài ra, trước đó khoảng đầu tháng 01/2023 (không nhớ rõ ngày nào) cũng tại phòng số 5, H và H2 đã mua bán dâm với số tiền 200.000 đồng. H đã đưa 100.000 đồng tiền chứa mại dâm cho P, còn lại 100.000 đồng tiền bán dâm H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 15/01/2023. Bao cao su do H tự mua để sử dụng vào việc bán dâm.

Tại Cơ quan điều tra, Lò Thị T khai nhận: Thống nhất nội dung như trên, 26 chiếc bao cao su trong túi nilon màu trắng ở gầm bàn cuối giường tại phòng số 01 mà Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K tiến hành khám xét thu giữ vào ngày 10/01/2023 là của T mua về để sử dụng vào việc bán dâm.

Về vật chứng: Ngày 22/02/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note 10 màu bạc và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Huawei cho Nguyễn Thị P là chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến hành vi phạm tội. Số vật chứng còn lại là 20 chiếc bao cao su trong túi nilon màu đen; 02 vỏ bao cao su, 01 ruột bao cao su; 26 chiếc bao cao su trong túi nilon màu trắng; 02 hộp bao cao su; 100.000 đồng của H, 100.000 đồng của L; 8.076.000 đồng của P (trong đó có 100.000 đồng tiền bán dâm của G và 100.000 đồng tiền của bị cáo chứa mại dâm G và B tối ngày 09/01/2023, 100.000 đồng tiền chứa mại dâm L và người đàn ông lạ tối ngày 09/01/2023, 100.000 đồng tiền chứa mại dâm H với H2 đầu tháng 01/2023) chuyển Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSKT ngày 09/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị P mức án từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 300.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo P, 100.000 đồng tiền bán dâm của G, 100.000 đồng tiền bán dâm của L, 100.000 đồng tiền bán dâm của H để sung vào ngân sách Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy: 20 chiếc bao cao su trong túi nilon màu đen; 02 vỏ bao cao su, 01 ruột bao cao su; 26 chiếc bao cao su trong túi nilon màu trắng; 02 hộp bao cao su.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền 7.676.000 đồng vì không có cơ sở xác định dùng vào việc phạm tội; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Bị cáo đồng ý và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản làm việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2023 đến ngày 09/01/2023 tại thôn K1, xã H, huyện K, Nguyễn Thị P đã có hành vi sử dụng quán “Cafe, massager, xoa bóp” thuộc quyền quản lý của mình để chứa chấp Mào Thị H và Trần Văn H2, Đỗ Thị G và Lò Văn B, Đỗ Thị G và Đỗ Văn T1, Lò Thị L và người đàn ông không quen biết thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Nguyễn Thị P đã thu lợi bất chính 300.000 đồng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị P đã thỏa mãn cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo Điều 327 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Nguyễn Thị P đã chứa mại dâm 05 lần, gồm: Mào Thị H và Trần Văn H2 mua bán dâm 02 lần trong các khoảng thời gian khác nhau; Đỗ Thị G và Lò Văn B, Đỗ Thị G và Đỗ Văn T1, Lò Thị L và người đàn ông không quen biết mua bán dâm trong các khoảng thời gian khác nhau. Như vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”. Do đó, bị cáo bị xét xử về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh và thuần phong mỹ tục. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có bố đẻ tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được trợ cấp hàng tháng, bố chồng là thương binh được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo; đồng thời để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự, cần phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Số tiền 300.000 đồng chứa mại dâm của bị cáo P, 100.000 đồng tiền bán dâm của G, 100.000 đồng tiền bán dâm của L, 1000.000 đồng tiền bán dâm của H là khoản thu lợi bất chính, cần sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 20 chiếc bao cao su trong túi nilon màu đen; 02 vỏ bao cao su, 01 ruột bao cao su; 26 chiếc bao cao su trong túi nilon màu trắng; 02 hộp bao cao su được sử dụng để thực hiện việc mua bán dâm, là công cụ dùng vào việc phạm tội; cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 7.676.000 đồng của P không có cơ sở xác định dùng vào việc phạm tội; cần trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Trong vụ án này, Đỗ Thị G, Mào Thị H, Lò Thị L, Lò Văn B, Đỗ Văn T1, Trần Văn H2 có hành vi mua bán dâm nên Cơ quan điều tra chuyển tài liệu đến Công an huyện K để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là phù hợp. Đối

với Ngô Quang K và Nguyễn Văn T2 chưa thỏa thuận việc mua bán dâm; chị Đỗ Thị D là chủ sở hữu ngôi nhà nơi Nguyễn Thị P thuê để làm quán “Cafe, massager, xoa bóp” không biết tại đây có hành vi chứa mại dâm nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 06 (sáu) năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) (theo ủy nhiệm chi tại kho bạc nhà nước huyện K ngày 13/3/2023). Tịch thu tiêu hủy 20 chiếc bao cao su trong túi nilon màu đen; 02 vỏ bao cao su, 01 ruột bao cao su; 26 chiếc bao cao su trong túi nilon màu trắng; 02 hộp bao cao su (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền 7.676.000đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) (theo ủy nhiệm chi tại kho bạc nhà nước huyện K ngày 13/3/2023); nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T2 phố Hải Phòng;
- VKSND T2 phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Phòng PV06 + PC10 Công an Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Ngát

Khúc Thị Minh

Phạm Thị Ngà

